

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Ông Lê Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXX ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1986
HKTT: Phố 2, phường Đ, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu M - Sinh năm 1979
Địa chỉ: Phố 2, phường Đ, Tp Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu M được gia đình tổ chức trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu vào năm 2008. Nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phố 2, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình giữa chị và anh M không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Mặt khác anh M không

tu trí làm ăn, hay uống rượu rồi chửi bới vợ con, dẫn đến không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần, chị cũng đã cho anh M nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm, nhưng anh M không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Kể từ tháng 01/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H - Sinh ngày 26/4/2009, hiện nay cháu H đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Hữu M trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh M thống nhất như nội dung chị L đã khai. Quá trình chung sống anh thừa nhận do công việc của anh không ổn định nên cuộc sống gia đình khó khăn, khi buồn chán anh cũng có uống rượu bia rồi dẫn vật bản thân và khi không kiểm soát được anh cũng có chửi bới vợ con, nhưng anh không xúc phạm chị L. Bản thân anh cũng nhận thấy có những lỗi sai với vợ con, nhưng anh vẫn yêu thương vợ con. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L nên anh không đồng ý ly hôn và xin chị L tha thứ để vợ chồng được đoàn tụ. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn, thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị L, vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H - Sinh ngày 26/4/2009, hiện nay cháu H đang ở cùng với chị L. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H thành niên.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu M theo quy định của pháp luật, anh M đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó anh M không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Thu H, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Hoàng Thị L.

- Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Hữu M là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống giữa vợ chồng anh M chị L xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M không chịu tu chí làm ăn mà ham chơi nên gia đình anh chị kinh tế rất khó khăn. Từ tháng 01/2022 chị L đã dọn đi nơi khác để ở, vợ chồng sống ly thân.

Về con chung: Vợ chồng chị L anh M có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 26/4/2009. Hiện nay cả cháu H đang ở với chị L.

Về tài sản công nợ của anh M chị L địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hữu M có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Hữu M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh M thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh không ổn định, nên anh có hay uống rượu rồi chửi bới dẫn vật bản thân, làm cho không khí gia đình rơi vào tình trạng mệt mỏi, nặng nề nhưng xác định tình cảm vợ chồng với chị L vẫn còn. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị L, anh M, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị L, anh M kết hôn đã lâu, nhưng anh M không tu trí làm ăn mà ham chơi, hay uống rượu bia nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại cãi vã nhau, kinh tế gia đình rất khó khăn. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân. Bản thân anh M không đồng ý ly hôn, nhưng anh không có biện pháp gì để níu giữ gia đình, không tham gia phiên tòa mà mặc nhiên để chị L đơn phương ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân của chị L anh M không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh M.

[3] *Về con chung*: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H – sinh ngày 26/4/2009. Nguyên vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con cái là nguyện vọng chính đáng của mỗi cha mẹ. Hiện nay, chị L đang làm công nhân, thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng, anh M là lao động tự do, công việc không ổn định.

Mặt khác, cháu H là con gái, hiện nay đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý, cần sự quan tâm, chia sẻ, dạy bảo từ người mẹ. Bản thân cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cháu H ở với chị L sẽ đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dạy cháu được tốt hơn. Do vậy, giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản*: Chị L, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thị Thu H – sinh ngày 26/4/2009 là con chung của chị L anh M. Giao cháu Hà cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001662 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND p. Đông C , TP Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Quỳnh

